TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 248/2018/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 23 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 327/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Huỳnh N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp B, xã D, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Huỳnh N và anh Phạm Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể N sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Huỳnh N và anh Phạm Văn C. Giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 06/8/2015 của UBND xã D, huyện T, tỉnh Bến Tre không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Anh Phạm Văn C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu

Phạm Huỳnh Gia P, sinh ngày 25/10/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trịnh Huỳnh N có quyền thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành nên giảm 50%: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), chị Trịnh Huỳnh N đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.625.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017740 ngày 29/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, chị N còn được nhận lại số tiền 2.475.000đ (hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện T;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Long